

**CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ BẢO VIỆT**

**QUỸ ETF BVFVN DIAMOND**  
**BVFVN DIAMOND ETF**

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2025  
Hanoi, March 25, 2025

-----\*\*\*-----

Số: 267/2025/BVF-QLDM  
No.: 267/2025/BVF-QLDM

**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ**  
**REGULAR INFORMATION DISCLOSURE**

**Kính gửi:** - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ *The State Securities Commission;*  
- Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh/ *Ho Chi Minh Stock Exchange.*

- Tên Công ty Quản lý Quỹ: **CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ BẢO VIỆT (BVF)**  
*Name of the fund management Company: Bao Viet Fund Management Co., Ltd. (BVF)*
  - Tên quỹ ETF niêm yết/Name of listed fund: Quỹ ETF BVFVN DIAMOND/BVFVN DIAMOND ETF
  - Mã chứng khoán/Securities code: FUEBFVND
  - Địa chỉ trụ sở chính/Head office address: Tầng 5, Số 8 Lê Thái Tô, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội/5th Floor, No. 8 Le Thai To, Hang Trong Ward, Hoan Kiem District, Hanoi City
  - Điện thoại/Phone number: 024 3928 9589 Fax: 024 3928 9590
  - Email: [baovietfund@baoviet.com.vn](mailto:baovietfund@baoviet.com.vn)
  - Website: <https://baovietfund.com.vn/>

Loại thông tin công bố/Disclosure type: Định kỳ/Regular

- Nội dung thông tin công bố/Information disclosure content:  
Báo cáo tổng kết hoạt động Quản lý Quỹ năm 2024 Quỹ ETF BVFVN DIAMOND/Summary report on Fund Management activities in 2024 of BVFVN DIAMOND ETF.
- Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty/Quỹ vào ngày 25/03/2025 tại đường dẫn "<https://baovietfund.com.vn/cong-bo-thong-tin>".  
*This information has been published on the Company/Fund's website on March 25, 2025 at the link "<https://baovietfund.com.vn/cong-bo-thong-tin>".*

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã được công bố.

*We commit that the information published above is true and are fully responsible before the law for the content of the published information.*

**Tài liệu đính kèm/Attachments:**

*Báo cáo tổng kết hoạt động*

*Quản lý Quỹ BVFVND 2024/*

*Summary report on Fund*

*Management activities in 2024 of*

*BVFVN DIAMOND ETF*

**CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ BẢO VIỆT**

**BAO VIET FUND MANAGEMENT CO., LTD**

**NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT**

**AUTHORIZED PERSON TO DISCLOSE INFORMATION**



**Nguyễn Tiên Hải**

TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT  
BAO VIET GROUP  
CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ BẢO VIỆT  
BAO VIET FUND  
MANAGEMENT COMPANY

Số/No.: 268/2025/BVF-QLDM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
Independence - Freedom - Happiness

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2025  
Hanoi, March 25, 2025

**BÁO CÁO TỔNG KẾT  
HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ QUỸ NĂM 2024  
SUMMARY REPORT**

**ON FUND MANAGEMENT ACTIVITIES IN 2024**

(Căn cứ Phụ lục số XXV kèm theo Thông tư số 98/2020/TT-BTC)

(Based on Appendix XXV attached to Circular No. 98/2020/TT-BTC)

**1. THÔNG TIN VỀ QUỸ/INFORMATION ABOUT THE FUND:**

- Tên quỹ/ <i>Fund name:</i>	Quỹ ETF BVFVN DIAMOND/ BVFVN DIAMOND ETF Viết tắt/ <i>Abbreviation:</i> BVFVND
- Loại hình quỹ/ <i>Fund type:</i>	Quỹ Hoán đổi danh mục/ <i>Exchange Traded Fund</i>
- Mục tiêu đầu tư/ <i>Investment objectives:</i>	Mô phỏng gần nhất có thể biến động của chỉ số tham chiếu/ <i>The closest simulation of the possible fluctuations of the reference index.</i>
- Thời gian hoạt động/ <i>Operation period:</i>	Được tính từ ngày Quỹ được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp giấy phép thành lập Quỹ 29/06/2023, và không giới hạn về thời hạn hoạt động/ <i>Calculated from the date the Fund is granted a license to establish the Fund by the State Securities Commission on June 29, 2023, and there is no limit on the term of operation.</i>
- Benchmark:	Chỉ số tham chiếu VNDIAMOND/ <i>VNDIAMOND Reference Index</i>
- Số lượng đơn vị quỹ tại ngày 31/12/2024/ <i>Number of fund units as of December 31, 2024:</i>	Ba mươi chín (39) Lô Chứng chỉ quỹ ETF, tương đương ba triệu chín trăm nghìn (3.900.000) Chứng chỉ quỹ ETF/ <i>Thirty-nine (39) Lots of ETF Fund Certificates, equivalent to three million nine hundred thousand (3,900,000) ETF Fund Certificates.</i>

<p>- Nội dung nghị quyết Đại hội Nhà đầu tư trong kỳ báo cáo/<i>Contents of the resolution of the Investors' Meeting during the reporting period:</i></p>	<p><b>Đại hội Nhà đầu tư năm 2024/2024 <i>General Meeting of Investors:</i></b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông qua báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán của Quỹ ETF BVFVND DIAMOND (BVFVND)/<i>Approval of the audited financial report for the fiscal year ending December 31, 2023 of the BVFVND DIAMOND ETF Fund (BVFVND).</i></li> <li>- Phê duyệt ngân sách hoạt động của Ban Đại diện Quỹ/<i>Approval of the operating budget of the Fund's Board of Representatives:</i></li> <li>- Thông qua danh sách các đơn vị kiểm toán trong tờ trình của Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt và lựa chọn Công ty TNHH Ernst&amp;Young là đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính Quỹ BVFVND cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024/<i>Approving the list of auditing companies in the submission of Bao Viet Fund Management Company Limited and selecting Ernst &amp; Young Company Limited as the auditing company for the financial statements of BVFVND Fund for the fiscal year ending December 31, 2024.</i></li> </ul>
<p>- Ý kiến nhận xét của Ngân hàng giám sát về các nội dung quy định tại TT hướng dẫn về hoạt động và quản lý các quỹ đầu tư chứng khoán/<i>Comments of the Supervisory Bank on the contents specified in the Circular guiding the operation and management of securities investment funds:</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trong quá trình giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của Quỹ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, Quỹ đã tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về Quỹ hoán đổi danh mục, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan/<i>In the process of monitoring the Fund's investment activities and asset transactions for the fiscal year ending December 31, 2024, the Fund has complied with the investment limit limits prescribed in current securities legal documents on Exchange-traded Funds, the Fund's Prospectus and related legal documents.</i></li> <li>- Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ ETF BVFVN DIAMOND đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch</li> </ul>

	<p>của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan/<i>The valuation and assessment of assets of the BVFVN DIAMOND ETF Fund have been in accordance with the Fund Charter, the Fund's Prospectus and related legal documents.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trong kỳ, Quỹ đã thực hiện các giao dịch hoán đổi Chứng chỉ Quỹ phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan/<i>During the period, the Fund has conducted Fund Certificate swap transactions in accordance with the Fund Charter, the Fund's Prospectus and relevant legal documents.</i></li> <li>- Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư/<i>In the fiscal year ending December 31, 2024, the Fund did not distribute profits to investors.</i></li> </ul>
--	---

## 2. BÁO CÁO VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ/*REPORT ON FUND PERFORMANCE RESULTS*

a. Thông tin về danh mục đầu tư và giá trị tài sản ròng của quỹ tại thời điểm 31/12 của 3 năm gần nhất/*Information on the fund's investment portfolio and net asset value as of December 31 of the last 3 years:*

- Danh mục đầu tư của quỹ phân bố theo ngành, lĩnh vực và loại sản phẩm (tính theo tổng giá trị danh mục đầu tư)/*The fund's investment portfolio is distributed by industry, sector and product type (calculated by total investment portfolio value):*

❖ Theo tài sản/*By assets:*

<i>Cơ cấu tài sản Quỹ/Fund's Asset Structure</i>	<i>31/12/2024 (%)</i>	<i>31/12/2023 (%)</i>
<i>Cổ phiếu/Stocks</i>	98,10	99,73
<i>Tiền gửi thanh toán và tiền gửi có kỳ hạn/Current and Term Deposits</i>	1,90	0,27
<i>Tài sản khác/Other assets</i>	0	0
<b><i>Tổng cộng/Total</i></b>	<b>100,00</b>	<b>100,00</b>

- Giá trị tài sản ròng của Quỹ/*Fund's net asset value*:

	31/12/2024 (%)	31/12/2023
GTTSR/NAV	55.308.118.597	44.477.718.995

- Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ/*Net asset value per fund unit*:

	31/12/2024 (%)	31/12/2023 (%)
GTTSR/CCQ/NAV per fund certificate	14.181,56	11.119,42

- Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành/*Number of fund certificates in circulation*:

	31/12/2024 (%)	31/12/2023
Số CCQ/Number of fund certificates	3.900.000	4.000.000

- Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị cao nhất và thấp trong năm/*Highest and lowest net asset value per unit during the year*:

	Năm 2024/ Year of 2024 (VNĐ/CCQ)	Năm 2023/ Year of 2024 (VNĐ/CCQ)
GTTSR/CCQ cao nhất/ Highest NAV per fund certificate	14.337,08	11.883,09
GTTSR/CCQ thấp nhất/ Lowest NAV per fund certificate	11.118,60	9.885,00

- Tổng lợi nhuận của quỹ/*Total turn of the Fund:*

<b>Chỉ tiêu/Indicators</b>	<b>Năm 2024/ Year of 2024 (VNĐ)</b>	<b>Năm 2023/ Year of 2024 (VNĐ)</b>
Thu nhập từ sự tăng trưởng giá chứng khoán (giá trị lãi vốn/chênh lệch đánh giá lại)/ <i>Income from stock price growth (capital gains/revaluation difference)</i>	7.804.880.910	2.659.534.988
Thu nhập từ lợi tức chứng khoán (cổ tức, tiền gửi...)/ <i>Income from stock returns (dividends, deposits, etc.)</i>	1.232.215.828	2.628.819.745
Chênh lệch mua bán chứng khoán/ <i>Securities trading difference</i>	4.555.789.940	790.151.162
Thu nhập khác/ <i>Other types of income</i>	0	0
Tổng chi phí/ <i>Total expenses</i>	(1.367.252.991)	631.776.319
<b>Tổng lợi nhuận/<i>Total profit</i></b>	<b>12.225.633.687</b>	<b>5.446.729.576</b>

- Lợi nhuận đã phân phối trên một đơn vị quỹ (giá trị thuần và giá trị gộp) trong kỳ báo cáo/*Distributed profit per fund unit (net value and gross value) in the reporting period: không có/none*
- Thời điểm phân chia lợi nhuận trong kỳ báo cáo/*Timing of profit distribution in the reporting period: không có/none.*
- Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ trước và sau thời điểm phân chia lợi nhuận trong 03 năm gần nhất/*Net asset value per fund unit before and after the timing of profit distribution in the last 3 years:*

	<b>31/12/2024</b>	<b>31/12/2023</b>
<b>GTTSR tại kỳ định giá ngày (trước khi ghi nhận giá trị lợi nhuận được phân chia)</b> <i>GTTSR at valuation date (before recording the value of distributed profits)</i>	14.181,56 VNĐ/CCQ	11.119,42 VNĐ/CCQ

- Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ và thuyết minh về việc chênh lệch chi phí hoạt động của quỹ/*Fund operating expense ratio and explanation of fund operating expense difference:*

	Năm 2024/ <i>Year of 2024</i>	Năm 2023/ <i>Year of 2023</i>
Tỷ lệ chi phí cuối quý IV/ <i>Expense ratio at the end of the fourth quarter</i>	2,57%	2,23%

- Tốc độ vòng quay danh mục và thuyết minh về việc chênh lệch tốc độ vòng quay danh mục/*Portfolio turnover rate and explanation of portfolio turnover rate discrepancy:*

	Năm 2024/ <i>Year of 2024</i>	Năm 2023/ <i>Year of 2023</i>
Tốc độ vòng quay danh mục cuối quý IV/ <i>Portfolio turnover rate at the end of the fourth quarter</i>	49,73%	27,75%

- Thông tin về các khoản vay nợ, các hạng mục thanh toán trả sau, các giao dịch repo/reverse repo/*Information on loans, deferred payment items, repo/reverse repo transactions: không có/none.*

b. Chỉ tiêu về lợi nhuận của quỹ/*Fund profit indicators:*

Tổng lợi nhuận bình quân năm của quỹ phát sinh trong kỳ báo cáo xác định/  
*Average annual total profit of the fund arising during the reporting period:*

- Trong thời hạn 12 tháng (1 năm), tính tới ngày lập báo cáo (hoặc tính từ thời điểm lập quỹ tới ngày báo cáo nếu quỹ hoạt động dưới 1 năm)/*Within 12 months (1 year), up to the reporting date (or from the fund establishment date to the reporting date if the fund has been operating for less than 1 year):* 1223 tỷ VND/*VND 1,223 billion.*
- Trong thời hạn 36 tháng (3 năm), tính tới ngày lập báo cáo (hoặc tính từ thời điểm lập quỹ tới ngày báo cáo nếu quỹ hoạt động dưới 3 năm)/*Within 36 months (3 years), up to the reporting date (or from the fund establishment date to the reporting date if the fund has been operating for less than 3 years):* 5,89 tỷ VND/*VND 5.89 billion.*
- Trong thời hạn 60 tháng (5 năm), tính tới ngày lập báo cáo (hoặc tính từ thời điểm lập quỹ tới ngày báo cáo nếu quỹ hoạt động dưới 5 năm)/*Within 60 months (5 years), up to the reporting date (or from the fund establishment*



*date to the reporting date if the fund has been operating for less than 5 years):*  
5,89 tỷ VND/VND 5.89 billion.

c. Các chỉ tiêu so sánh khác/*Other comparison criteria:*

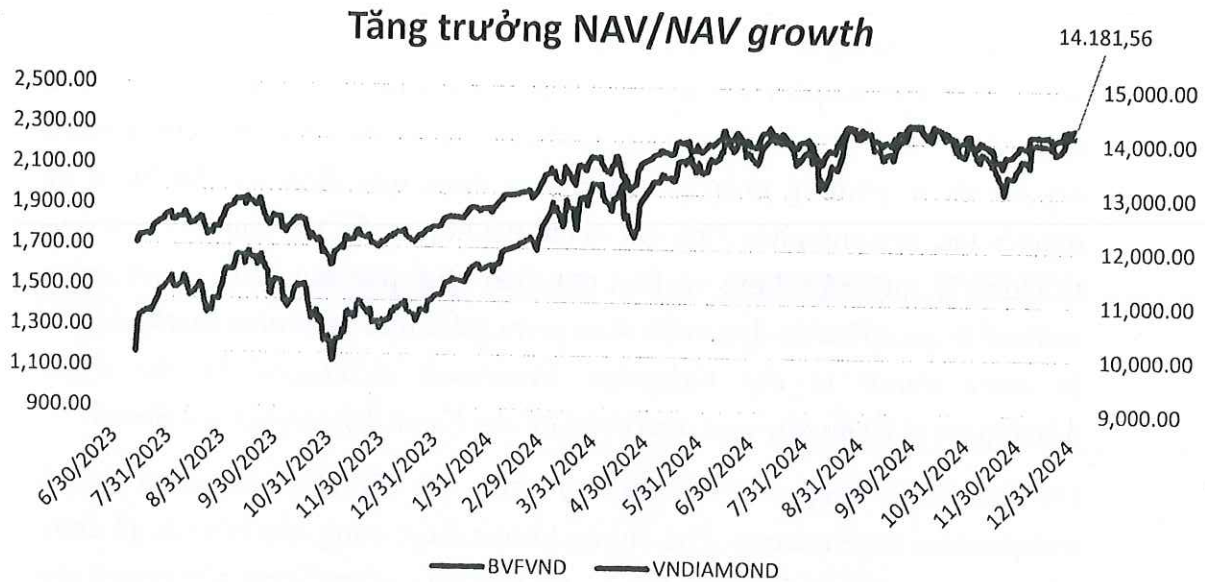
- Phương thức, nguyên tắc xác định giá trị tài sản, giá trị lợi nhuận là thống nhất, đã được công bố và được thẩm định bởi một tổ chức độc lập khác/*The method and principles for determining asset value and profit value are consistent, have been announced and appraised by another independent organization: phương pháp giá trị tài sản được quy định tại phụ lục 4 về nguyên tắc, phương pháp định giá và chi tiết hơn tại Sổ tay định giá do Công ty Quản lý quỹ xây dựng và Ban đại diện Quỹ phê duyệt/the asset value method is specified in Appendix 4 on principles and valuation methods and in more detail in the Valuation Handbook developed by the Fund Management Company and approved by the Fund Representative Board.*
- Dữ liệu được cung cấp bởi một tổ chức độc lập/*Data provided by an independent organization: Giá chứng khoán được cung cấp bởi các tổ chức dịch vụ cung cấp báo giá độc lập, uy tín trên thị trường/Securities prices are provided by independent and reputable quotation service organizations in the market.*

d. Báo cáo khuyến cáo rằng các thông tin về kết quả hoạt động của quỹ trước đây chỉ mang tính tham khảo và không có nghĩa là việc đầu tư sẽ bảo đảm khả năng sinh lời cho nhà đầu tư/*The report recommends that information on the previous performance of the fund is for reference only and does not mean that the investment will guarantee profitability for investors.*

**3. BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ TÀI SẢN CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ/REPORT ON ASSET MANAGEMENT ACTIVITIES OF THE FUND MANAGEMENT COMPANY:**

- a. Thuyết minh về việc thay đổi Công ty Quản lý quỹ (nếu có)/*Explanation of changes in the Fund Management Company (if any): không có/none.*
- b. NAV trên một đơn vị chứng chỉ quỹ tại ngày 31/12/2024 là 14.181,56đ/ccq. Giá trị tài sản ròng của Quỹ đạt 55.308.118.597 đồng. Tăng trưởng NAV của Quỹ tiếp tục bám sát tăng trưởng chỉ số VNDIAMOND/*NAV per fund certificate as of December 31, 2024 is VND 14,181.56/unit. The Fund's net asset value is VND 55,308,118,597. The Fund's NAV growth continues to closely follow the growth of the VNDIAMOND index.*

c. Kết quả lợi nhuận của quỹ (bằng đồ thị)/Fund's profit results (by graph): (cập nhật/updated)



- d. So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong thời gian năm (05) năm gần nhất, tính tới ngày báo cáo (bằng đồ thị)/Comparison of the fund's profit results with the profit of the reference portfolio, the underlying index announced in the Prospectus in the last five (05) years, up to the reporting date (by graph): không có/none.
- e. Mô tả chiến lược, chiến thuật đầu tư mà quỹ đã sử dụng trong kỳ báo cáo/Describe the investment strategies and tactics that the fund used during the reporting period:

**Chiến lược đầu tư/Investment strategy:**

<b>Mô tả/ Description</b>	<p>Quỹ áp dụng chiến lược đầu tư thụ động trên cơ sở mô phỏng chỉ số VN DIAMOND để đạt được mục tiêu đầu tư. Khi danh mục chứng khoán của chỉ số tham chiếu có sự thay đổi, Quỹ sẽ thực hiện điều chỉnh danh mục của Quỹ để phù hợp với danh mục của chỉ số tham chiếu về cơ cấu và tỉ trọng tài sản. Quỹ sẽ hướng đến việc có kết quả tương đồng với Chỉ Số Tham Chiếu và không thực hiện chiến lược phòng thủ khi thị trường giảm hay hiện thực hóa lợi nhuận khi thị trường được định giá quá cao. Việc đầu tư thụ động nhằm giảm thiểu chi phí và mô phỏng gần hơn chỉ số tham chiếu bằng cách duy trì tỷ lệ</p>
-------------------------------	--

vòng quay vốn đầu tư thấp hơn so với các quỹ sử dụng chiến lược đầu tư chủ động.

*The Fund applies a passive investment strategy based on simulating the VN DIAMOND index to achieve its investment objectives. When the securities portfolio of the benchmark index changes, the Fund will adjust the Fund's portfolio to match the portfolio of the benchmark index in terms of structure and asset weight. The Fund will aim to achieve results similar to the Benchmark Index and will not implement a defensive strategy when the market is down or realize profits when the market is overvalued. Passive investment aims to minimize costs and more closely mimic the benchmark index by maintaining a lower investment turnover ratio than funds using an active investment strategy.*

Danh mục đầu tư của Quỹ phải phù hợp với danh mục của chỉ số VN DIAMOND về cơ cấu, tỉ trọng tài sản, bao gồm tối thiểu 50% chứng khoán cơ sở hình thành chỉ số VN DIAMOND và giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu không thấp hơn 95% giá trị của danh mục chứng khoán tương ứng của VN DIAMOND. Danh mục đầu tư có mức sai lệch so với chỉ số VN DIAMOND không vượt quá mức sai lệch tối đa theo quy định của HSX và các quy định của pháp luật./*The Fund's investment portfolio must be consistent with the VN DIAMOND index portfolio in terms of structure and asset weight, including at least 50% of the underlying securities forming the VN DIAMOND index and the value of the underlying securities portfolio must not be lower than 95% of the value of the corresponding securities portfolio of VN DIAMOND. The investment portfolio's deviation from the VN DIAMOND index must not exceed the maximum deviation as prescribed by HSX and the provisions of law.*

Quỹ được phép đầu tư vào các lĩnh vực, ngành nghề mà pháp luật không cấm./*The Fund is allowed to invest in sectors and industries that are not prohibited by law.*

Quỹ được phép đầu tư vào các chứng khoán cơ cấu của chỉ số VN DIAMOND và các tài sản tài chính sau đây tại Việt Nam./*The Fund is allowed to invest in the underlying securities of the VN DIAMOND index and the following financial assets in Vietnam:*

- a) Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật về ngân hàng/*Deposits at commercial banks as prescribed by law on banking;*
- b) Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật/*Money market instruments including valuable papers and transfer instruments as prescribed by law;*
- c) Công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương/*Government debt instruments, government-guaranteed bonds, local government bonds;*
- d) Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng/*Listed stocks, stocks registered for trading, bonds listed on the Stock Exchange, public fund certificates;*
- e) Chứng khoán phái sinh niêm yết và giao dịch tại các Sở Giao dịch chứng khoán của Việt Nam và chỉ nhằm mục đích phòng ngừa rủi ro và giảm thiểu mức sai lệch so với chỉ số tham chiếu/*Derivative securities listed and traded on Vietnam's Stock Exchanges and only for the purpose of hedging risks and minimizing deviations from the reference index;*
- f) Quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán Quỹ đang nắm giữ/*Rights arising from securities held by the Fund.*

f. Mô tả sự khác biệt về cơ cấu danh mục đầu tư của quỹ tại thời điểm báo cáo, so với danh mục đầu tư của quỹ năm liền kề báo cáo/*Describe the difference in the fund's portfolio structure at the reporting date, compared with the fund's portfolio in the year immediately preceding the reporting date:*

<b>Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ/<i>Fund's portfolio structure</i></b>	<b>31/12/2024 (VNĐ/CCQ)</b>	<b>31/12/2023 (VNĐ/CCQ)</b>
Cổ phiếu/ <i>Stocks</i>	98,10%	99,73%
TGTT và tài sản khác/ <i>Current deposits and other assets</i>	1,90%	0,27%

- g. Phân tích kết quả hoạt động của quỹ dựa trên việc so sánh giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ (*sau khi đã điều chỉnh phần lợi nhuận đã phân phối, nếu có*)/ *Analysis of fund performance based on comparison of net asset value per fund unit (after adjusting for distributed profits, if any): không có/none.*
- h. Đánh giá biến động của thị trường/*Assessment of market fluctuations:*

Kinh tế vĩ mô/*Macroeconomics:*

- Tăng trưởng GDP 2024 ở mức 7,09% thuộc những mức cao nhất trong vòng hơn 20 năm qua/*GDP growth in 2024 at 7.09% is among the highest in the past 20 years.*
- Tốc độ tăng trưởng cao nhất trong nền kinh tế là khu vực “Công nghiệp và xây dựng” với mức tăng 8,32% (đóng góp 45,17% vào tăng trưởng chung). Ngành “Công nghiệp chế biến chế tạo” có mức tăng 9,83%. Ngành “Xây dựng” tăng trưởng ở mức khá với tốc độ 7,87%.*The highest growth rate in the economy is the "Industry and Construction" sector with an increase of 8.32% (contributing 45.17% to the overall growth). The "Manufacturing and processing industry" sector has an increase of 9.83%. The "Construction" sector has a fairly good growth rate of 7.87%.*
- Chỉ số IIP có sự khởi đầu tương đối chậm trong giai đoạn đầu năm 2024, tăng tốc mạnh kể từ giữa Quý II/2024 (Bình quân IIP tháng  $\geq 10\%$ ) nhưng sau đó lại hạ nhiệt dần trong Quý IV/2024 (BQ IIP tháng 8,3%).*The IIP index had a relatively slow start in the early stages of 2024, accelerating strongly from the middle of the second quarter of 2024 (average monthly IIP  $\geq 10\%$ ) but then gradually cooled down in the fourth quarter of 2024 (average monthly IIP 8.3%).*
- Hoạt động tiêu dùng trong nền kinh tế ghi nhận xu hướng cải thiện dần trong năm 2024 (1H/2024 vs 2H/2024, trừ tháng 10/2024 sụt giảm mạnh do ảnh hưởng của các đợt bão lũ).*Consumption activities in the economy recorded a gradual improvement trend in 2024 (1H/2024 vs 2H/2024, except for October 2024, which decreased sharply due to the impact of storms and floods).*
- Vốn đầu tư toàn xã hội năm 2024 tăng 7,5% (YoY). Vai trò dẫn dắt ở khu vực Nhà nước (tăng 5,5%) đã được chuyển giao cho khu vực ngoài Nhà nước (tăng 7,7%) và khu vực FDI (tăng 10,6%).*Total social investment capital in 2024 increased by 7.5% (YoY). The leading role in the State sector (increased by 5.5%) has been transferred to the non-State sector (increased by 7.7%) and the FDI sector (increased by 10.6%).*

- Giá trị vốn FDI đăng ký cấp mới đạt 19,73 tỷ USD giảm 7,6% (YoY) trong khi đó giá trị vốn FDI giải ngân đạt 25,35 tỷ USD, tăng 9,4% (YoY)./The value of newly registered FDI capital reached 19.73 billion USD, down 7.6% (YoY) while the value of disbursed FDI capital reached 25.35 billion USD, up 9.4% (YoY).

#### Thị trường tiền tệ/Money market

- Lãi suất VNIBOR các kỳ hạn ngắn ( $\leq 1$  tháng) vận động ở vùng giá trị thấp (tương đương với giai đoạn dịch Covid-19) trong Quý I/2024 nhưng hình thành mặt bằng mới cao hơn đáng kể trong giai đoạn Quý II – IV/2024./VNIBOR interest rates for short terms ( $\leq 1$  month) fluctuated in the low value range (equivalent to the Covid-19 pandemic period) in the first quarter of 2024 but formed a new level significantly higher in the second - fourth quarter of 2024.
- Lãi suất trên thị trường 1 giảm khá mạnh trong Quý I/2024 nhưng dần hồi phục trở lại trong các tháng sau đó. Tại thời điểm cuối tháng 12/2024, lãi suất huy động kỳ hạn 6 – 12 tháng của các NHTM lớn (không tính 04 NHTM có vốn Nhà nước) xấp xỉ mặt bằng lãi suất tại thời điểm cuối năm 2023./Interest rates in market 1 decreased sharply in the first quarter of 2024 but gradually recovered in the following months. At the end of December 2024, the 6-12 month term deposit interest rates of major commercial banks (excluding 04 state-owned commercial banks) are approximately equal to the interest rate level at the end of 2023.

#### Thị trường cổ phiếu/Stock market:

- Chỉ số VNI kết thúc năm 2024 ở mức 1.266,78 điểm, tương đương với mức tăng 12,11% trong năm 2024. Sau khi tăng điểm khá mạnh trong Quý I/2024, chỉ số VNI vận động ở trạng thái đi ngang trong 03 quý còn lại của năm 2024 (1.160 – 1.300 điểm)./VNI index ends 2024 at 1,266.78 points, equivalent to an increase of 12.11% in 2024. After a strong increase in the first quarter of 2024, the VNI index moves sideways in the remaining 03 quarters of 2024 (1,160 - 1,300 points).
- Thanh khoản trên thị trường có xu hướng giảm dần trong năm 2024 trong đó giá trị giao dịch khớp lệnh bình quân/phiên trên cả 03 sàn giao dịch trong tháng 12/2024 là 13.279,78 tỷ đồng, thấp nhất kể từ tháng 06/2023 (mức bình quân trong năm 2024 là 18.588 tỷ đồng/phiên, mức bình quân/phiên của tháng cao nhất là 27.268 tỷ đồng). NĐTNN bán ròng gần như liên tục trong năm (11/12 tháng) với giá trị rất lớn, 75.768 tỷ đồng./Market liquidity tends to decrease in 2024, in which the average matched transaction value/session

on all 3 exchanges in December 2024 is 13,279.78 billion VND, the lowest since June 2023 (the average in 2024 is 18,588 billion VND/session, the average/session of the highest month is 27,268 billion VND). Foreign investors net sold almost continuously during the year (11/12 months) with a very large value, 75,768 billion VND.

Thông tin về lợi nhuận đầu tư đối với loại tài sản là cổ phiếu/Information on investment returns for asset types such as stocks:

TT/ No.	Chỉ tiêu/Indicators	Số tiền/ Amount
1	Cổ tức được chia/Dividends distributed	1.230.025.600
2	Lãi bán các khoản đầu tư/Gains from sale of investments	4.555.789.940
3	Chênh lệch tăng/giảm đối với các khoản đầu tư chưa thực hiện/Increase/decrease in unrealized investments	7.804.880.910
4	Thu nhập khác (lãi tiền gửi thanh toán)/Other income (interest on payment deposits)	2.190.228
5	Chi phí giao dịch mua/bán cổ phiếu/Transaction costs for buying/selling shares	78.136.276

- i. Thông tin về việc chia, tách đơn vị quỹ trong kỳ (nếu có)/Information on the division and separation of fund units during the period (if any): không có/none.
  - j. Các trường hợp có ảnh hưởng tới quyền lợi của nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ/Cases affecting the interests of investors holding fund certificates: không có/none.
  - k. Thông tin về các giao dịch với người có quyền lợi liên quan (nếu có)/Information on transactions with related parties (if any): không có/none.
  - l. Các thông tin khác (nếu có)/Other information (if any): không có/none.
- 4. BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT**
- a. Thuyết minh về việc thay đổi Ngân hàng giám sát (nếu có)/Explanation of the change of the Supervisory Bank (if any): không có/none.
  - b. Việc lưu ký tài sản của quỹ/Custody of the fund's assets: tuân thủ theo quy định pháp luật chứng khoán hiện hành và các văn bản pháp luật có liên quan/complied with current securities laws and relevant legal documents.

- c. Việc đầu tư tuân thủ các hạn chế về đầu tư, hạn chế về vay theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản Cáo bạch/*Investment complies with investment restrictions and borrowing restrictions as prescribed by law, regulations in the Fund Charter and Prospectus*: Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt đã tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ ETF, Bản cáo bạch của Quỹ và văn bản pháp luật liên quan/*Bao Viet Fund Management Company Limited has complied with the investment limits prescribed in current securities laws on ETF funds, the Fund's Prospectus and relevant legal documents.*
- d. Việc xác định giá trị tài sản ròng đã phù hợp với quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản Cáo bạch/*The determination of net asset value is in accordance with legal regulations, regulations in the Fund Charter and Prospectus.*
- e. Việc phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ, mua lại chứng chỉ quỹ, hoán đổi chứng chỉ quỹ đã phù hợp với quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản Cáo bạch/*The issuance of additional fund certificates, repurchase of fund certificates, and exchange of fund certificates are in accordance with legal regulations, regulations in the Fund Charter and Prospectus.*
- Chi tiết về việc phát hành CCQ/*Details of Fund certificate issuance*

Tổng số chứng chỉ Quỹ tại ngày 31/12/2023/ <i>Total number of Fund certificates as of 31/12/2023</i>	4.000.000 CCQ/ <i>Fund certificates</i>
Tổng số chứng Quỹ phát hành thêm trong kỳ/ <i>Total number of additional Fund certificates issued during the period</i>	0 CCQ/ <i>Fund certificates</i>
Tổng số chứng Quỹ mua lại trong kỳ/ <i>Total number of Fund certificates repurchased during the period</i>	(100.000) CCQ/ <i>Fund certificates</i>
Tổng số chứng chỉ Quỹ tại ngày 31/12/2024 <i>Total number of Fund certificates as of 31/12/2024</i>	3.900.000 CCQ/ <i>Fund certificates</i>

- f. Việc phân chia lợi nhuận của quỹ là phù hợp với mục tiêu đầu tư của quỹ: trong giai đoạn báo cáo, quỹ không phát sinh hoạt động phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư/*The fund's profit distribution is consistent with the fund's investment*



objectives: during the reporting period, the fund did not generate profit distribution activities for investors.

## 5. BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG ỦY QUYỀN/REPORT ON AUTHORIZATION ACTIVITIES:

- a. Chi phí phải trả cho bên nhận ủy quyền so với lợi nhuận, thu nhập, tổng chi phí hoạt động của quỹ/Expenses payable to the authorized party compared to the profit, income, and total operating expenses of the fund:

Chỉ tiêu (từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024)/ Indicators (from 01/01/2024 to 31/12/2024)	Số tiền hoặc tỷ lệ/ Amount or rate
Tổng chi phí ủy quyền trong kỳ (VNĐ)/ Total Authorization Costs in the Period (VND)	
% Tổng chi phí ủy quyền/Lợi nhuận/ % Total Authorization Costs/Profit	4,04%
% Tổng chi phí ủy quyền/Thu nhập/ % Total Authorization Costs/Income	3,63%
% Tổng chi phí ủy quyền/ Tổng chi phí/% Total Authorization Costs/Total Costs	36,08%

- b. Các ảnh hưởng (nếu có) của hoạt động ủy quyền tới lợi nhuận, mức độ rủi ro của quỹ/Impacts (if any) of the authorization activities on the profit and risk level of the fund: không có/none.
- c. Tổng chi phí các hoạt động ủy quyền phải trả cho bên nhận ủy quyền (trường hợp bên nhận ủy quyền cung cấp nhiều dịch vụ cho công ty quản lý quỹ)/Total costs of authorization activities payable to the authorized party (in case the authorized party provides many services to the fund management company).

Chỉ tiêu (từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024)/ <i>Indicators (from 01/01/2024 to 31/12/2024)</i>	Số tiền/Amount
Tổng chi phí ủy quyền trong kỳ (VNĐ)/ <i>Total authorization costs during the period (VND)</i>	493.366.736
Chi phí dịch vụ quản trị quỹ/ <i>Fund administration service costs:</i>	198.000.000
Chi phí trả cho NH LK/ <i>Costs paid to custodian banks:</i>	229.366.736
Chi phí trả cho ĐLCN/ <i>Costs paid to transfer agents:</i>	66.000.000

d. Đánh giá khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, hệ thống dự phòng thảm họa... của bên nhận ủy quyền, bảo đảm hoạt động ủy quyền được thực hiện thông suốt, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của nhà đầu tư: Theo đánh giá của các đơn vị nhận ủy quyền đều là các đơn vị có uy tín, kinh nghiệm trên thị trường, với đội ngũ nhân viên có trình độ chuyên môn cao, tính chuyên nghiệp trong quá trình cung cấp dịch vụ, có hệ thống phần mềm theo chuẩn quốc tế và các phòng, bộ phận chức năng được thiết lập và hoạt động độc lập... Vì vậy, khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, hệ thống dự phòng thảm họa của các bên nhận ủy quyền cho Quỹ BVFVND được bảo đảm hoạt động thông suốt, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của nhà đầu tư cũng như công ty quản lý quỹ./*Assess the ability to maintain the internal control system, risk management, confidentiality, technical infrastructure, hot backup system, disaster backup system... of the authorized party, ensuring that the authorized activities are carried out smoothly, without affecting the investment activities of investors: According to the assessment of the authorized units, they are all reputable and experienced units in the market, with a team of highly qualified staff, professionalism in the service provision process, a software system according to international standards and departments, functional units established and operating independently... Therefore, the ability to maintain the internal control system, risk management, confidentiality, technical infrastructure, hot backup system, disaster backup system of the authorized parties for BVFVND Fund is guaranteed to operate smoothly, without affecting the investment activities of investors as well as the fund management company.*

Trên đây là Báo cáo tổng kết hoạt động quản lý quỹ trong năm 2024 của Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt đối với Quỹ ETF BVFVN DIAMOND (BVFVND). *Above is the Summary Report on Fund Management Activities in 2024 of Bao Viet Fund Management Company Limited for BVFVN DIAMOND ETF Fund (BVFVND).*

Trân trọng. *Sincerely.*

**TUQ. TỔNG GIÁM ĐỐC**  
*AUTHORIZED BY GENERAL DIRECTOR*  
**PHỤ TRÁCH BP QUẢN LÝ DANH MỤC**  
*HEAD OF PORTFOLIO MANAGEMENT*



**Nguyễn Tiến Hải**



